

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Ông Danh Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân- Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1022/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-DS ngày 18/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà HL, sinh năm 1972

Địa chỉ: 311/5A Liên tỉnh 5, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông TT, sinh năm 1972

Địa chỉ: 311/5A Liên tỉnh 5, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà HL trình bày: Bà HL và ông TT sống chung năm 2003 có đăng ký kết hôn số 203 ngày 04/11/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống không hạnh phúc do không hợp tính tình và cách sống, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, mạnh ai nấy sống từ đó tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt. Bà HL đã từng nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận Tân Bình vào năm 2013 nhưng do con còn nhỏ nên bà HL đã rút đơn để hòa giải với ông TT. Tuy nhiên trong quá trình chung sống vợ chồng không thể hòa hợp. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà HL yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông TT. Quá trình chung sống vợ chồng bà HL và ông TT có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc AD, sinh ngày 30/3/2005

và Nguyễn Ngọc TG, sinh ngày 14/6/2011. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu ông TT cấp dưỡng nuôi con. Bà L không đồng ý giao con cho ông TT trực tiếp nuôi dưỡng vì ông TT chưa có chỗ ở ổn định, thu nhập không cao khó có thể nuôi con tốt, hơn nữa bé AD có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Vợ chồng ông TT và bà L không có tài sản chung và không có nợ chung. Về án phí dân sự sơ thẩm bà L xin chịu toàn bộ.

Bị đơn ông TT trình bày: Ông TT thống nhất lời trình bày của vợ về thời gian kết hôn, về con chung. Ông TT thừa nhận vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau nên gia đình không hạnh phúc. Nay vợ xin ly hôn thì ông TT đồng ý. Ông TT đề nghị giao một con chung tên Nguyễn Ngọc TG, sinh ngày 14/6/2011 cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng, ông TT sẽ trực tiếp nuôi một con chung tên Nguyễn Ngọc AD, sinh ngày 30/3/2005. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con mặc dù thu nhập của ông TT hiện nay chỉ khoảng 5.000.000 đồng /tháng. Ông TT sẽ sắp xếp chỗ ở cho hai cha con, nếu không thì ông TT sẽ đưa con về quê sống với cha của ông TT hoặc nếu ông TT làm việc ở Hà Nội thì hai cha con sẽ ở chung nhà với chị ruột của ông TT. Nếu ông TT không ra Hà Nội thì sẽ thuê nhà để hai cha con cùng với cháu của ông TT, ba người ở chung tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay ông TT vẫn chưa chuẩn bị được chỗ ở mới. Ông TT không đồng ý giao cho vợ nuôi cả hai con chung vì chỗ ở hiện tại nếu không có ông TT ở chung thì con không an toàn do cháu là con gái đã lớn. Ông TT xác định vợ chồng không có nợ chung và ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của bà HL thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

Về hôn nhân: Bà HL và ông TT sống chung năm 2003 có đăng ký kết hôn số 203 ngày 04/11/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường G, quận TB, Thành phố H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông TT đã đồng ý ly hôn vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không thể kéo dài đời sống chung. Có cơ sở xác định cuộc sống gia đình của ông TT và bà L không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn ông TT của bà HL là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông TT và bà HL có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc AD, sinh ngày 30/3/2005 và Nguyễn Ngọc TG, sinh ngày 14/6/2011. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ. Xét, ông TT và bà HL đều có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng các con lại có nguyện vọng sống chung với mẹ. Hiện nay ông TT chưa có chỗ ở ổn định, thu nhập cũng không cao, bà HL có chỗ ở ổn định, thu nhập của bà HL cũng đủ đảm bảo cho cuộc sống của hai con vì vậy tiếp tục giao hai con chung tên Nguyễn Ngọc AD và Nguyễn Ngọc TG cho bà HL trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét bà HL cũng không yêu cầu ông TT cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông TT đến khi bà HL có yêu cầu.

Về tài sản chung: Các đương sự tự xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết

Về nợ chung Các đương sự tự xác nhận không có nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà HL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà HL:

- Về hôn nhân: Bà HL được ly hôn với ông TT.

- Về con chung: Giao cho bà HL trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc AD, sinh ngày 30/3/2005 và Nguyễn Ngọc TG, sinh ngày 14/6/2011. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông TT đến khi bà L có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết

-Về nợ chung Các đương sự tự xác nhận không có nên hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông TT về việc được nuôi con tên Nguyễn Ngọc AD, sinh ngày 30/3/2005.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà HL phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0044594 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà HL đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q.8;
- UBND Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hòa